| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày 27-4-2023<br>V/v ly hôn, nuôi con chung. | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trọng Đại

Ông Hoàng Hào.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Lê Huân -Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Phương Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2023/QĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Ninh Bình;

* Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Hiện đang cư trú tại Nhật Bản

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính

tình không hợp nên thường xuyên xay ra cãi vã, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Chị H đã đưa con chung về sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở V, Ninh Bình và chủ động sống ly thân với anh H từ tháng 10/2018, hiện nay anh H sinh sống và làm việc tại Nhật Bản  Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Ánh N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018 hiện tại đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho anh H thông qua bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh H) và yêu cầu bà M thông báo cho anh H để anh H trình bày quan điểm bằng văn bản về việc chị H xin ly hôn và cung cấp địa chỉ của anh H tại Nhật Bản gửi về cho Tòa án, nhưng anh H không gửi văn bản về cho Tòa án.

* Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh Lê Văn H trình bày: Anh Lê Văn H là con đẻ của bà, hiện nay anh H đang đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể nơi ở, nơi làm việc của anh H. Từ khi anh H đi lao động xuất khẩu, giữa gia đình bà và anh H thường xuyên liên lạc với nhau. Trước khi anh H đi Nhật Bản đã kết hôn với chị Bùi Thị Thanh H vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Lê Ánh N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018 hiện tại đang ở cùng với chị H. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết về việc chị H xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung, anh H có quan điểm đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp

hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh H và anh Lê Văn H. Giao con chung là Lê Ánh N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018 cho chị H nuôi dưỡng và anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

- Về phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn H đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị Thanh H và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 25 tháng 01 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sau đó anh H đi lao động xuất khẩu tại nước Nhật Bản đến nay chưa về Việt Nam. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn, thông qua mẹ đẻ của anh H thì được biết anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử ly hôn giữa chị H và anh H.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Ánh N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018, hiện nay cháu Ngọc đang ở với chị H. Chị H xin nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Thông qua mẹ đẻ của anh H thì được biết anh H cũng đồng ý cho chị H nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo mức chị H đưa ra. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh H và anh Lê Văn H;

2. Giao cháu Lê Ánh N, giới tính nữ, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2018 cho chị Bùi Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006825 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ; anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã T, huyện Y;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**